

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 17-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLHS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), sinh ngày 24 tháng 3 năm 1988 tại tỉnh N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số A, Hẻm B, Khu phố C, Phường Y, thành phố N, tỉnh N; nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị H; bị cáo có **chồng** tên Lê Hoàng **Nhật M** (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; **bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Phan Thành T, sinh năm 1976 tại tỉnh N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh N; nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; **bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), sinh năm 1990 tại tỉnh N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú hiện nay: Ấp Y, xã V, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị H; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hoài T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; **bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

4. Lê Thị B (tên gọi khác: L), sinh năm 1958 tại tỉnh L; Nơi cư trú: Ấp Y, xã V, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và Võ Thị Q; có chồng tên Huỳnh Văn L và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. Phạm Thị M, sinh năm 1974 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp Y, xã V, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn P** (đã chết) và bà Tạ Thị C; có chồng tên Nguyễn Văn D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: **Tại bản án số 53/2015/HS-ST ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xử phạt Phạm Thị M 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 14/11/2016, đã được xóa án tích;** bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

6. Huỳnh Thị Thu C, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1982 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp X, xã V, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị B (bị cáo trong vụ án); bị cáo có chồng tên Phạm Văn H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019, chuyển tạm giam từ ngày 26/02/2019 đến ngày 28/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay.

7. Phạm Thị P (tên gọi khác: P), sinh năm 1967 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn **P** (đã chết) và Tạ Thị C; bị cáo có chồng tên Trần **Minh Tr** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

8. Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph (đã chết); có chồng tên Nguyễn Duy K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị **bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

9. Hà Văn S, sinh năm 1973 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn X (đã chết) và

bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; **bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

10. Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp Y, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị T; bị cáo có chồng tên Phạm Phước T (đã chết) và có 02 con; tiền án: Tại bản án số 05/2018/HS-ST ngày 02/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt Nguyễn Thị H 03 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng, đã chấp hành xong toàn bộ bản án vào ngày 23/4/2018, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; **bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

11. Lê Thị D, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có chồng tên Trần Minh V và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2019 đến nay; có mặt.

12. Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), sinh ngày 22 tháng 6 năm 2000 tại tỉnh N; Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Thúy K; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2019 đến nay; có mặt.

13. Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D), sinh năm 1982 tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp H, xã B, huyện V, tỉnh Đ; nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng C và bà Dương Thị L; bị cáo có chồng tên Hà Văn S và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; **bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/02/2019**, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/02/2019, Nguyễn Thị Kiều G đi đến nhà Phan Thành T, ở ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N, để chơi. Khi đến nhà, G gặp và hỏi T cho G chơi đánh bài trong nhà của T, thì T đồng ý. T lấy 01 tấm chăn trong nhà trải xuống nền nhà ở phòng khách và lấy 01 bộ bài tây đã qua sử dụng để cho G làm cái chơi đánh bài bữa ăn thua bằng tiền cùng với Huỳnh Thị Thu C, Nguyễn Thị

Kiều K, Nguyễn Thị Kim C, Phạm Thị P, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Quốc T, Phan Thành T, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M, Lê Thị B, Lê Thị D. Trong lúc đánh bài, G đưa cho T 50.000 đồng nhờ T đi mua thêm 08 bộ bài để G thay đổi trong lúc chơi. Số tiền dùng để đánh bạc của từng người như sau:

1. Nguyễn Thị Kiều G, khi đi mang theo số tiền 20.070.000 đồng dùng 20.000.000 đồng để đánh bạc, làm cái thua hết 12.500.000 đồng, còn lại 7.500.000 đồng khi bị phát hiện đã bỏ tại chiếu bạc.

2. Nguyễn Thị N mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, thua 450.000 đồng, còn 50.000 đồng khi bị phát hiện đã bỏ tại chiếu bạc.

3. Nguyễn Thị Kim C mang theo 100.000 để đánh bạc, thua 50.000 đồng, còn 50.000 đồng khi bị phát hiện đã bỏ tại chiếu bạc.

4. Lê Thị D mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, thua hết 400.000 đồng, còn lại 100.000 khi bị phát hiện bỏ chạy làm rơi mất.

5. Nguyễn Quốc T mang theo 1.100.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua, còn số tiền 1.100.000 đồng khi bị phát hiện đã bỏ tại chiếu bạc.

6. Nguyễn Thị H mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, tham gia đặt 100.000 đồng thì bị phát hiện, không thắng, không thua. Bị tạm giữ 200.000 đồng.

7. Phạm Thị M mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 400.000 đồng khi bị phát hiện đã bỏ tại chiếu bạc.

8. Phạm Thị P mang theo 600.000 đồng để đánh bạc, thua 200.000 đồng, còn lại 400.000 đồng đã rơi mất khi bỏ chạy.

9. Hà Văn S mang theo 1.600.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng còn lại 1.100.000 đồng bị tạm giữ.

10. Nguyễn Thị Kiều K mang theo 300.000 đồng để đánh bạc, thua hết số tiền mang theo.

11. Huỳnh Thị Thu C mang theo 270.000 đồng để đánh bạc, khi bị phát hiện đã thua hết tiền mang theo.

12. Lê Thị B mang theo 120.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc khi bị phát hiện đã thua hết tiền.

Sòng bạc diễn ra đến 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an xã Mỹ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.200.000 đồng. Tổng số tiền dùng vào đánh bạc là 25.770.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Kiều G, Phan Thành T, Nguyễn Quốc T, Lê Thị B, Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P, Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K, Nguyễn Thị Kim C đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:*

- Tiền Việt Nam 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng (thu trên chiếu bạc 7.200.000 đồng; thu của Hà Văn S 1.100.000 đồng và thu của Nguyễn Thị H 200.000 đồng);

- 08 (tám) bộ bài Tây chưa qua sử dụng; 02 (hai) bộ bài Tây đã qua sử dụng; 01 (một) cái mền (chăn), màu đỏ - vàng - xanh;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Viettel, màu đỏ - đen, số Imei 1: 359430064545326 của Hà Văn S;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 359929/07/880404/1, bị nứt màn hình của Nguyễn Quốc T;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 355639/07/716319/0, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị H;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số ID: BCG-E3091A; IC:579C-E3091A, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị Kiều G;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng, số Imei 1: 862646035518155 của Nguyễn Thị N.

*** Kết quả kê biên tài sản:**

Kê biên của Nguyễn Thị H diện tích đất 756,9 m² thuộc thửa đất 215, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh N; Lê Thị B (tên gọi khác: L) diện tích 100 m² và 238 m² thuộc thửa đất 177 thuộc tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N; Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) diện tích đất 200m² và 134m² đều thuộc thửa đất 56, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp 2, xã V, huyện T, tỉnh N.

Đối với Phan Thành T, Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) không có tài sản riêng nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-KSĐT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Phan Thành T, Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Lê Thị B (tên gọi khác: L), Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Phan Thành T, Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Lê Thị B (tên gọi khác: L), Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) từ 09 đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Phan Thành T từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C) từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Lê Thị B (tên gọi khác: L) từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Phạm Thị P (tên gọi khác: P) từ 03 đến 06 tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo Hà Văn S từ 03 đến 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị M từ 03 đến 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm n, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thu C từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Lê Thị D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H) từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

** Hình phạt bổ sung:* Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Thị B (tên gọi khác: L), mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

** Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

** Về kê biên tài sản:* Cần giữ nguyên các Lệnh kê biên tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đối với các quyền sử dụng đất sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 756,9 m² thuộc thửa đất 215, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị H đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100 m² và 238 m² đều thuộc thửa đất 177, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Lê Thị B đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 200m² và 134m² đều thuộc thửa đất 56, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp 2, xã V, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị Kiều G đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/02/2019, tại nhà của Phan Thành T thuộc ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N, Phan Thành T giúp sức cung cấp các công cụ cho Nguyễn Thị Kiều G làm cái đánh bài bừa thắng thua bằng tiền với Nguyễn Quốc T, Lê Thị B, Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P, Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K, Nguyễn Thị Kim C thì bị bắt quả tang lúc 15 giờ 20 phút, thu giữ trên chiếu bạc là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 25.770.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố đối với các bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của người tham gia. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và có thể phát sinh ra các loại tội phạm khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản... đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[4] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) dùng số tiền 20.000.000 đồng để làm cái đánh bạc, trực tiếp sát phạt thắng thua với các bị cáo còn lại, nên cần xử phạt bị cáo mức cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Phan Thành T mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, không hưởng lợi từ việc giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều G mượn địa điểm là nhà của mình để bị cáo G đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với các bị cáo khác, nhưng hành vi của bị cáo đồng phạm giúp sức cho bị cáo G, nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và thấp hơn so với bị cáo G.

Bị cáo Nguyễn Thị H có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích, nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Điều này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo, nên cần xử phạt các bị cáo H mức án nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Phạm Thị M dùng số tiền đánh bạc không lớn (500.000 đồng), nhưng bị cáo có nhân thân xấu, do đó cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền đánh bạc thấp nhất 100.000 đồng và cao nhất 1.600.000 đồng, cụ thể: Lê Thị B (tên gọi khác: L) 100.000 đồng, Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) 100.000 đồng, Huỳnh Thị Thu C 270.000 đồng, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H) 300.000 đồng, Nguyễn Thị N 500.000 đồng, Lê Thị D 500.000 đồng, Phạm Thị P (tên gọi khác: P) 600.000 đồng, Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C) 1.100.000 đồng và Hà Văn S 1.600.000 đồng, nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét tình tiết tăng nặng, **giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:**

[5.1] **Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Nguyễn Thị H có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] **Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G, Phan Thành T, Nguyễn Quốc T, Lê Thị B, Phạm Thị P, Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K, Nguyễn Thị Kim C và Huỳnh Thị Thu C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Huỳnh Thị Thu C phạm tội khi đang mang thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Thị M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị Kiều K, Phạm Thị M, Phạm Thị P, Lê Thị B, Huỳnh Thị Thu C đầu thú tại Công an huyện T, tỉnh N nên hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] **Nhân thân:** Tại bản án số 53, ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt Phạm Thị M 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”

đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 14/11/2016, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích, nhưng vẫn bị xem là có nhân thân xấu.

[6] Hình phạt áp dụng:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Nguyễn Thị H, Phan Thành T, Phạm Thị M cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Lê Thị B (tên gọi khác: L), Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính, số tiền đánh bạc không lớn, có nhân thân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian, cụ thể: Bị cáo Lê Thị B (tên gọi khác: L) đã bị tạm giữ, tạm giam 03 tháng 27 ngày (từ ngày 20/02/2019 đến ngày xét xử 17/6/2019); bị cáo Phạm Thị P (tên gọi khác: P) đã bị tạm giữ, tạm giam 03 tháng 29 ngày (từ ngày 18/02/2019 đến ngày xét xử 17/6/2019); các bị cáo Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) đã bị tạm giữ, tạm giam 04 tháng (từ ngày 17/02/2019 đến ngày xét xử 17/6/2019), nên xét thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Huỳnh Thị Thu C và Lê Thị D sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc có giá trị không lớn, các bị cáo có nhân thân tốt, có hai đến ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Hình phạt bổ sung:

Xét điều kiện kinh tế và khả năng thi hành án của các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Nguyễn Thị H và Lê Thị B (tên gọi khác: L), cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Phan Thành T, Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Phạm Thị M, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) và Huỳnh Thị Thu C không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 08 (tám) bộ bài Tây chưa qua sử dụng; 02 (hai) bộ bài Tây đã qua sử dụng và 01 (một) cái mền màu đỏ - vàng – xanh là dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 7.200.000 đồng; số tiền thu giữ trên người các bị cáo khi bắt quả tang gồm: Số tiền 1.100.000 đồng của Hà Văn S và 200.000 đồng của Nguyễn Thị H là vật chứng của vụ án, các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 400.000 đồng của bị cáo Phạm Thị P (tên gọi khác: P) và 100.000 đồng của bị cáo Lê Thị D là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, khi bị bắt quả tang chưa thu giữ được, nên cần truy tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, nhưng cần giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Biên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đỏ - đen, số Imei 1: 359430064545326 của Hà Văn S;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 359929/07/880404/1, bị nứt màn hình của Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C);

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 355639/07/716319/0, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị H;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số ID: BCG-E3091A; IC:579C-E3091A, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị Kiều G;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng, số Imei 1: 862646035518155 của Nguyễn Thị N.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

[9] Xử lý tài sản bị kê biên: Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản số 05, 06, 07 cùng ngày 01/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đối với các quyền sử dụng đất sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 756,9 m² thuộc thửa đất 215, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị H đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100 m² và 238 m² đều thuộc thửa đất 177, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Lê Thị B đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 200m² và 134m² đều thuộc thửa đất 56, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp 2, xã V, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị Kiều G đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cho đến khi các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Lê Thị B và Nguyễn Thị H chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

[10] Về án phí: Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định theo các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) 09 (chín) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phan Thành T 06 (sáu) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị M 06 (sáu) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày **18/02/2019**.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C) 04 (bốn) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C) tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị B (tên gọi khác: L) 03 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 20/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Lê Thị B (tên gọi khác: L) tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị P (tên gọi khác: P) 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 18/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Phạm Thị P (tên gọi khác: P) tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N 04 (bốn) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hà Văn S 04 (bốn) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Hà Văn S tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) 04 (bốn) tháng tù** về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17/02/2019.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.11. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Thu C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** về tội “Đánh bạc”.

1.12. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** về tội “Đánh bạc”.

1.13. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H) 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** về tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 và khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N) 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Thị B (tên gọi khác: L) mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) bộ bài Tây chưa qua sử dụng; 02 (hai) bộ bài Tây đã qua sử dụng và 01 (một) cái mền màu đỏ - vàng – xanh.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng, gồm:

 - + Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng;

 - + Số tiền thu giữ trên người bị cáo Hà Văn S là 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng và trên người bị cáo Nguyễn Thị H là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, gồm:

 - + Số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng của bị cáo Phạm Thị P (tên gọi khác: P);

 - + Số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng của bị cáo Lê Thị D.

- Tạm giữ tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội để đảm bảo thi hành án, gồm:

 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đỏ - đen, số Imei 1: 359430064545326 của Hà Văn S;

 - + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 359929/07/880404/1, bị nứt màn hình của Nguyễn Quốc T;

 - + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu ghi, số Imei 1: 355639/07/716319/0, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị H;

 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số ID: BCG-E3091A; IC:579C-E3091A, bị nứt màn hình của Nguyễn Thị Kiều G;

 - + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng, số Imei 1: 862646035518155 của Nguyễn Thị N.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2019).

4. Xử lý tài sản bị kê biên:

Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản số 05, 06, 07 cùng ngày 01/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đối với các quyền sử dụng đất sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 756,9 m² thuộc thửa đất 215, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị H đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 100 m² và 238 m² đều thuộc thửa đất 177, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh N do bị cáo Lê Thị B đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Quyền sử dụng đất diện tích đất 200m² và 134m² đều thuộc thửa đất 56, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp 2, xã V, huyện T, tỉnh N do bị cáo Nguyễn Thị Kiều G đứng tên đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cho đến khi các bị cáo Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Lê Thị B (tên gọi khác: L) và Nguyễn Thị H chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phan Thành T, Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Lê Thị B (tên gọi khác: L), Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phan Thành T, Nguyễn Thị Kiều G (tên gọi khác: Bé N), Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: C), Lê Thị B (tên gọi khác: L), Phạm Thị M, Huỳnh Thị Thu C, Phạm Thị P (tên gọi khác: P), Nguyễn Thị N, Hà Văn S, Nguyễn Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị Kiều K (tên gọi khác: H), Nguyễn Thị Kim C (tên gọi khác: D) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- THA phạt tù;
- Phòng PV27-Công an Tây Ninh;
- Đội điều tra CA huyện Tân Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy